TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST.
Ngày: 03/01/2024.
"V/v: ***Tranh chấp hợp đồng tín dụng"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG,TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.
2. Bà Võ Thị Cảnh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Tố Uyên là Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thuỳ - Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 03/01/2024, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2023/TLST-DS ngày 03/10/2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST - DS ngày 23/11/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 30/2023/QĐST-DS ngày 13/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo L, quận H, TP. Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền là bà Đinh Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Số 265 Q, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn*: Ông Trần Đình L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bà H và ông L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2023 được bổ sung tại Bản tự khai ngày 03/10/2023, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Thu H trình bày:

Ngày 30/3/2021, ông Trần Đình L đã vay vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng C (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) thông qua Phòng giao dịch huyện Kbang,

tỉnh Gia Lai với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021916, mục đích sử dụng tiền vay: Nuôi Bò sinh sản; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 30/3/2021; lãi suất cho vay là 8,25%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp. Ông L, bà T phải trả nợ 12 tháng/lần, trả lãi đối với khoản vay theo phương thức hàng tháng vào ngày 18.

Theo thỏa thuận với Ngân hàng tại thời điểm vay thì ông L là người vay, bà T là người thừa kế món vay. Quá trình vay vốn, ngày 18/02/2022 ông L, bà T đã trả cho Ngân hàng được 4.000.000 đồng nợ gốc. Từ đó đến nay ông L và bà T đã không trả nợ gốc theo phân kì và lãi hàng tháng cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc ông L trả nợ gốc và lãi theo kỳ hạn đã cam kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến hết ngày 18/9/2023 là 97.996.275 đồng *(Chín mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng)*, gồm số tiền nợ gốc là 96.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tạm tính là 1.996.275 đồng.

Tại Bảng kê tính lãi bổ sung, Ngân hàng bổ sung yêu cầu ông L và bà T phải trả thêm số tiền nợ lãi trong hạn phát sinh từ ngày 19/9/2023 đến ngày 03/01/2024 (*ngày xét xử sơ thẩm vụ án*) là 2.300.055 đồng. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu ông L và bà T phải trả nợ tổng cộng là 100.296.330 đồng, gồm: Nợ gốc là 96.000.000 đồng và nợ lãi là 4.296.330 đồng *(tính đến ngày 03/01/2024)* cũng như trả số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 04/01/2024 cho đến khi ông, bà thanh toán xong khoản nợ.

Đối với bị đơn ông Trần Đình L: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập ông L đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tổ chức. Nhưng do điều kiện công việc của ông L không sắp xếp để tham gia các phiên họp và hòa giải của Tòa án cũng như không tham gia các phiên Tòa do Tòa án triệu tập được. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông L theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên ông L đã trình bày quan điểm của mình tại bản tự khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông với nội dung:

Ngày 30/3/2021 ông có vay Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Quá trình vay ông đã trả được nợ gốc là 4.000.000 đồng, còn lại là 96.000.000 đồng nợ gốc kèm lãi phát sinh ông chưa trả được vì hoàn cảnh khó khăn ông không xoay sở được. Việc vay nợ được sử dụng chung trong gia đình ông và bà T.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập bà T đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tổ chức nhưng bà T luôn vắng

mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

- 01 Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Ngân hàng C (bản sao);
- 01 Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ đối với khách hàng Trần Đình L (bản sao);
- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đứng tên người vay Trần Đình L (bản sao).
- 01 Giấy ủy quyền đề ngày 12/3/2021 giữa bên ủy quyền là bà Nguyễn Thị T và bên được uỷ quyền là ông Trần Đình L (bản sao).
- 01 Biên bản làm việc ngày 18/9/2023 đối với khách hàng Trần Đình L (bản sao);
- 02 bảng kê tính lãi (bản chính).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 179, 180, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015; các Điều 117, 118, 119, 280, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C. Buộc bị đơn ông Trần Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Kbang, tỉnh Gia Lai số tiền là 97.996.275 đồng, gồm: Nợ gốc: 96.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn đến ngày 18/9/2023: 1.996.275 đồng. Bị đơn ông Trần Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 19/9/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Buộc ông L và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu người vay là ông Trần Đình L và người thừa kế khoản vay là bà Nguyễn Thị T cùng có địa chỉ tại Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021916 đã ký kết. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án *"Tranh chấp hợp*

đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tống đạt hợp lệ (niêm yết đối với bà T) các văn bản tố tụng để triệu tập ông L, bà T đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Ông L vắng mặt tại các phiên họp và hoà giải; các phiên tòa của Toà án nhưng đã trình bày quan điểm và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là bà Đinh Thị Thu H vắng mặt nhưng bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021916 cùng Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 11/3/2021 đã thể hiện vào ngày 30/3/2021 ông L, bà T có vay vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng thông qua Phòng giao dịch huyện Kbang, tỉnh Gia Lai với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021916, mục đích sử dụng tiền vay: Nuôi Bò sinh sản; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 30/3/2021; lãi suất cho vay là 8,25%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp. Ông L, bà T phải trả nợ 12 tháng/lần, trả lãi đối với khoản vay theo phương thức hàng tháng vào ngày 18. Tất cả các điều kiện trên của bên cho vay (Ngân hàng) đối với bên vay (ông L) đã được ông L ký xác nhận, vợ ông L là bà Nguyễn Thị T cũng ký nhận thừa kế món vay.

Tuy nhiên, kể từ khi vay vốn cho đến nay, ông L và bà T sử dụng vốn vay không hiệu quả, chỉ trả cho Ngân hàng được 4.000.000 đồng nợ gốc vào ngày 18/12/2022, sau đó không trả được nợ gốc theo phân kì và lãi hàng tháng cho Ngân hàng theo đúng cam kết nên ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến thời điểm ngày 03/01/2024 *(thời điểm xét xử sơ thẩm)*, ông L, bà T còn nợ Ngân hàng nợ gốc là 96.000.000 đồng và nợ lãi là 4.296.330 đồng. Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện ông L, bà T để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú, luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bà T đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Ông L biết việc Ngân hàng khởi kiện, đã trình bày quan điểm của mình thừa nhận khoản vay và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông L và bà T phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 100.296.330 đồng, gồm: Nợ gốc là 96.000.000 đồng, nợ lãi là 4.296.330 đồng *(tính đến ngày 03/01/2024)* và số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 04/01/2024 cho đến khi ông, bà thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T

phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật là 100.296.330 đồng x 5% = 5.014.816 đồng.

Ngân hàng khởi kiện vụ án cho vay đối với đối tượng chính sách nên không phải nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Do đó, Toà án không thu tạm ứng án phí đối với Ngân hàng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 179; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, buộc bị đơn ông Trần Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Kbang, tỉnh Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021916 là 100.296.330 đồng, gồm: Nợ gốc là 96.000.000 đồng và nợ lãi là 4.296.330 đồng *(tính đến ngày 03/01/2024)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí DSST: Buộc bị đơn ông Trần Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T phải chịu 5.014.816 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự (THADS), người phải THADS có quyền thoả thuận thi hành án (THA), quyền yêu cầu THA, tự nguyện

THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của LTHADS./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Kbang;
-Chi cục THADS huyện Kbang;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Cảnh Nguyễn Văn Thi Đỗ Thị Lành